

Kinh Đại Bát Niết Bàn



Tập 4

Đoàn Trung Còn & Nguyễn Minh Tiến dịch

---o0o---

Nguồn

<http://www.hoavouu.com>

Chuyển sang ebook 10-05-2014

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao_ksd@yahoo.com.vn

Tuyết Nhung - tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn

Dũng Trần - dungxtr2004@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục lục

QUYỀN BỐN

PHẨM TÁNH NHƯ LAI - Phẩm thứ tư

---o0o---

QUYỀN BỐN

PHẨM TÁNH NHƯ LAI - Phẩm thứ tư¹

Phần một

Phật lại bảo Bồ Tát Ca-diếp: Thiện nam tử! Đại Bồ Tát phân biệt và khai thị kinh Đại Bát Niết-bàn, có bốn ý nghĩa được biểu lộ. Thế nào là bốn? Một là tự sửa mình chân chánh, hai là làm cho kẻ khác trở nên chân chánh, ba là có thể tùy chỗ hỏi mà đáp, bốn là khéo giảng rõ nghĩa nhân duyên.

Thế nào là tự sửa mình chân chánh? Như Phật Như Lai nhìn thấy các nhân duyên liền có chỗ thuyết dạy.

Ví như có tỳ-kheo thấy đám lửa lớn, bèn nói rằng: ‘Thà tôi phải ôm đám lửa nóng ấy, chứ chẳng dám đối với tạng bí mật và Mười hai bộ kinh do Như Lai thuyết mà phi báng rằng: ‘Kinh ấy do Ma Ba-tuần thuyết.’

Như người nói rằng: ‘Như Lai, Pháp, Tăng là vô thường.’ Người nói như vậy là tự dối gạt mình mà cũng dối gạt kẻ khác. Thà lấy dao bén tự cắt lưỡi mình, chứ không bao giờ nên nói rằng: ‘Như Lai, Pháp, Tăng là vô thường.’ Như nghe người khác nói ra lời ấy, cũng chớ nên tin nhận. Đối với kẻ nói ra lời ấy, nên đem lòng thương xót.

Như Lai, Pháp, Tăng thật là không thể nghĩ bàn. Nên tin giữ lẽ ấy. Tự quán thân mình đừng như đám lửa.

Đó gọi là tự sửa mình chân chánh.

Thế nào là làm cho kẻ khác trở nên chân chánh?

Có một lúc, Phật đang thuyết pháp, có một phụ nữ còn đang cho con bú đến chỗ Phật ngự, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên, nhưng trong lòng vẫn có điều nghĩ tưởng.

Lúc ấy, đức Thế Tôn biết ý nghĩ của cô ta nên dạy rằng: ‘Vì lòng thương con, cô đã cho con bú rất nhiều, chẳng biết số lượng, chẳng rõ là có tiêu hóa được hay không.’

Liên đó, người phụ nữ bạch Phật rằng: ‘Lạ thay, Thế Tôn! Ngài biết được ý nghĩ trong lòng con. Xin Như Lai dạy con cách cho bú nhiều ít thế nào. Thế Tôn! Sáng nay con đã cho trẻ bú rất nhiều sữa, e không tiêu hóa nổi, chẳng biết có hại mạng nó chẳng? Xin đức Như Lai vì con giảng rõ.’

Phật dạy: ‘Lượng sữa mà con của cô đã bú, rồi sẽ tiêu hóa được, giúp tăng thêm tuổi thọ.’

Người phụ nữ nghe xong, trong lòng phấn chấn, lại bạch Phật: ‘Lời thật của Như Lai làm cho con vui vẻ lắm. Như vậy, vì điều phục các chúng sanh, Thế Tôn đã khéo phân biệt nói các lẽ tiêu hoặc chẳng tiêu, lại cũng nói những lẽ vô ngã, vô thường của các pháp. Nếu trước hết, Phật Thế Tôn thuyết lẽ thường, những người theo học ngài tất sẽ nói rằng: Pháp ấy cũng như pháp của ngoại đạo. Rồi họ sẽ bỏ ngài mà đi.’

Phật lại dạy người phụ nữ ấy rằng: ‘Nếu đứa con đã lớn, biết đi biết chạy, thì khi ăn vào có thể tiêu hóa được những món khó tiêu. Lúc đó, sữa của cô sẽ không đủ cung cấp cho nó. Các đệ tử Thanh văn của ta cũng thế, họ như đứa con còn bú của cô, không tiêu hóa nổi pháp thường trụ này. Vì vậy nên trước

hết, ta thuyết dạy họ những lễ: khổ, vô thường. Đến chùng các Thanh văn, đệ tử của ta có đủ công đức rồi, đủ sức tu tập kinh điển Đại thừa, ta mới thuyết với họ sáu vị ở kinh này. Thế nào là sáu vị? Ta thuyết dạy rằng: khổ, đó là vị chua; vô thường, đó là vị mặn; vô ngã, đó là vị đắng; lạc, đó là vị ngọt; ngã đó là vị cay; thường, đó là vị nhạt. Trong thế gian có ba vị, ấy là: vô thường, vô ngã, vô lạc. Phiền não là củi, trí tuệ là lửa, với nhân duyên ấy được cơm Niết-bàn. Ta dạy các pháp thường, lạc, ngã, khiến cho các đệ tử đều được món ngon ưa thích.’

Phật lại bảo người phụ nữ ấy rằng: ‘Nhu cô có việc phải đi đến xứ khác, nên xua đuổi những đứa con ngỗ nghịch ra khỏi nhà, rồi mới đem kho quý trong nhà mà giao cho những đứa con ngoan.’ Người phụ nữ bạch Phật rằng: ‘Đúng như lời Phật dạy, nên chỉ kho trân bảo cho những đứa con ngoan, không nên cho những đứa con ngỗ nghịch.’

Phật dạy: ‘Này cô! Ta đây cũng thế, khi nhập Niết-bàn ta chẳng đem kho pháp vi diệu sâu kín và vô thượng của Như Lai mà trao cho các đệ tử Thanh văn; cũng như kho báu của cô không trao cho những đứa con ngỗ nghịch. Ta cần phó chúc cho hàng Bồ Tát, cũng như cô đem kho báu mà giao cho những đứa con ngoan. Vì sao vậy? Vì các đệ tử Thanh văn có tư tưởng biến đổi, cho rằng Phật Như Lai thật đã diệt độ. Nhưng ta thật ra chẳng có diệt độ. Ví như trong khi cô đi xa chưa về, thì những đứa con ngỗ nghịch sẽ nói rằng cô đã chết. Mà thật ra cô không hề chết. Chư Bồ Tát đều nói rằng: Như Lai là thường, chẳng biến đổi. Các vị ấy giống như những đứa con ngoan của cô, chẳng nói rằng cô đã chết. Vì nghĩa ấy, ta đem kho pháp bí mật vô thượng mà phó chúc cho chư Bồ Tát.’

Thiện nam tử! Như có chúng sanh nào bảo rằng Phật là thường trụ, chẳng biến đổi, nên biết rằng có Phật ở tại nhà người ấy.

Đó gọi là làm cho kẻ khác trở nên chân chánh.

Thế nào là có thể tùy chỗ hỏi mà đáp?

Như có người đến hỏi Phật Thế Tôn rằng: ‘Tôi nên làm thế nào để không bỏ tiền của ra mà vẫn đáng gọi là bậc đại thí chủ?’

Phật dạy: ‘Nếu có các vị sa-môn, bà-la-môn ít ham muốn, biết đủ, chẳng thọ nhận, chẳng chứa trữ những vật bất tịnh, nên thí cho các vị ấy những tôi trai tớ gái để làm kẻ hầu hạ sai khiến. Đối với những vị tu trì phạm hạnh, nên thí cho những nữ nhân. Đối với những người đã dứt bỏ rượu thịt, nên thí cho rượu thịt. Đối với những vị không ăn quá ngọt, nên thí cho những bữa cơm quá ngọt. Đối với những vị chẳng trang sức bằng hoa hương, nên thí cho hoa hương. Những người thí như vậy thì danh tiếng bố thí lan rộng ra khắp mọi nơi mà không phải mất mát tiền của chi cả.’ Đó gọi là có thể tùy chỗ hỏi mà đáp.

Lúc ấy, Bồ Tát Ca-diếp bạch rằng: Thế Tôn! Đối với người ăn thịt chẳng nên cho thịt. Vì sao vậy? Con thấy rằng người không ăn thịt được công đức lớn.

Phật khen ngợi Bồ Tát Ca-diếp: Lành thay, lành thay! Nay ông biết rõ ý ta. Bồ Tát hộ pháp nên làm như vậy.

Thiện nam tử! Từ nay về sau ta không cho phép các đệ tử Thanh văn ăn thịt. Khi nhận ở người đàn-việt món thịt hiến cúng, nên quán tưởng đó như là thịt con mình.

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: Thế Tôn! Tại sao Như Lai không cho phép ăn thịt?

Phật dạy: Thiện nam tử! Kẻ ăn thịt làm dứt mắt hạt giống đại từ.

Ca-diếp lại bạch: Vậy tại sao lúc trước Như Lai cho phép tỳ-kheo ăn ba loại tịnh nhục?²

Ca-diếp! [Việc cho phép ăn] ba loại tịnh nhục ấy là tùy theo sự việc mà hạn chế dần dần.

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà từ mười loại thịt bất tịnh cho đến chín loại tịnh nhục, Phật đều không cho phép dùng nữa?³

Phật dạy Ca-diếp: Đó cũng là nhân nơi sự việc mà ta dần dần hạn chế. Nên biết rằng đó là ý nghĩa vì sao nay ta cấm hẳn việc ăn thịt.

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: Tại sao Như Lai khen rằng cá là món ăn ngon?

Phật dạy: Thiện nam tử! Ta không hề nói rằng cá là món ăn ngon. Ta nói rằng: mía, cơm gạo, đường phèn, tất cả những thứ ngũ cốc cùng đường đen, sữa, bơ sữa, dầu... là những món ăn ngon. Tuy ta nói rằng có thể cất giữ các loại vải, nhưng phải làm cho mất vẻ đẹp đi,⁴ huống chi lại còn ham thích ăn món cá hay sao?

Ca-diếp lại bạch Phật: Nếu Như Lai đã chế định không được ăn thịt, vậy sữa và các món được chế ra từ sữa, cùng với các loại dầu mè, cho đến các loại vải vóc, như hàng lụa kiêu-sa-da, những loại ngọc thạch, da thú, vàng bạc, chén bát⁵... các thứ ấy cũng chẳng nên dùng sao?

Phật dạy: Thiện nam tử! Ông không nên hiểu giống như bọn ngoại đạo Ni-kiền.⁶ Như Lai chế định mỗi một giới cấm đều có dụng ý riêng. Vì có dụng ý riêng, nên ta cho phép ăn ba thứ tịnh nhục. Vì có dụng ý riêng, nên ta cấm dùng

mùi loại thịt bất tịnh. Và cũng vì có dụng ý riêng, nên nay ta cấm hẳn tất cả các loại thịt, kể cả thịt của những con thú tự nhiên chết, không bị giết hại.

Ca-diếp! Kể từ hôm nay ta cấm tất cả các đệ tử không được ăn bất cứ loại thịt nào cả.

Ca-diếp! Những người ăn thịt, trong khi đi, đứng, ngồi nằm đều xông ra hơi thịt, tất cả chúng sanh nghe hơi ấy, đều lấy làm sợ sệt. Ví như một người kia, đã gần gũi với sư tử, những kẻ khác khi gặp người ấy, nghe mùi hôi của sư tử cũng sanh lòng sợ sệt!

Thiện nam tử! Ví như người ăn tỏi, xông ra mùi hôi khó chịu. Những ai gặp người ấy, nghe mùi hôi liền bỏ đi. Dù là nhìn thấy từ xa còn chẳng muốn nhìn, huống chi lại muốn đến gần hay sao?

Những người ăn thịt lại cũng như vậy. Tất cả chúng sanh khi nghe hơi thịt thấy đều kinh sợ, phát sanh tư tưởng sợ chết. Những loài có mạng sống, hoặc lội dưới nước, hoặc đi trên đất, hoặc bay trên không, thấy đều xa lánh, đều cho rằng: ‘Người ấy là kẻ thù của chúng ta.’

Bởi vậy, Bồ Tát không có thói quen ăn thịt. Vì độ chúng sanh nên các ngài thị hiện việc ăn thịt. Tuy thị hiện ăn thịt, thật ra là chẳng ăn.

Thiện nam tử! Hàng Bồ Tát như vậy, cả những món thanh tịnh còn chẳng ăn, huống chi lại ăn thịt hay sao?

Thiện nam tử! Sau khi ta nhập Niết-bàn, trải qua vô lượng trăm năm, các vị thánh tu tập Tứ đạo⁷ cũng đều nhập Niết-bàn. Chánh pháp diệt rồi, trong thời kỳ Tượng pháp sẽ có những tỳ-kheo, có vẻ như là giữ luật, nhưng ít đọc tụng kinh điển, tham việc ăn uống, nuôi dưỡng xác thân. Họ mặc quần áo thô sơ xấu xí, hình dung tiêu tụy, chẳng có oai đức chi cả. Họ chăn bò, nuôi dê, gánh củi, đội cỏ, râu tóc để dài, móng tay ra nhọn.

Tuy mặc áo cà-sa, nhưng bọn họ giống như thợ săn; mắt nhìn lăm lét, chân bước từ từ, dường như mèo rình chuột. Họ thường nói rằng: ‘Ta đắc quả A-la-hán.’

Họ có nhiều bệnh khổ, ngủ nằm nơi phần ứ. Bề ngoài họ ra vẻ hiền lành mà trong lòng ôm giữ sự tham lam, đố kỵ, như người thợ phép cảm không nói của bà-la-môn.

Họ đội lột sa-môn nhưng thật chẳng phải sa-môn, trong lòng đầy tà kiến, phỉ báng Chánh pháp.

Những người như vậy phá hoại các giới luật mà Như Lai đã chế định, phá hoại oai nghi của hạnh chân chánh và quả giải thoát mà Phật đã thuyết. Họ lìa bỏ pháp thanh tịnh và phá hoại giáo pháp sâu xa bí mật của chư Phật.

Mỗi người trong bọn họ đều theo ý mình mà nói ngược lại với kinh luật. Họ nói rằng: ‘Như Lai cho phép chúng tôi ăn thịt.’ Họ tự biện luận như thế, nhưng lại nói đó là lời Phật dạy. Họ cãi lầy và kiện cáo nhau, người nào cũng tự xưng mình là sa-môn Thích tử.

Thiện nam tử! Lúc bấy giờ lại có những sa-môn chứa trữ lúa thóc, nhận các món thịt cá rồi tự tay làm lấy món ăn; cầm nắm bình dầu, lọng báu, giày da, thân cận với quốc vương, đại thần, trưởng giả; coi sao đoán mệnh, học nghề làm thuốc; nuôi dưỡng nô tỳ, chất chứa vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, pha lê, trân châu, san hô, hổ phách, ngọc bích, ngọc thạch, các thứ dưa trái... Họ học các nghề tinh xảo, vẽ hình, nặn tượng, viết sách, dạy học, gieo giống, trồng cây, làm thuốc độc, bùa chú, pha chế thuốc, đàn ca hát xướng, cài hoa xức hương, đánh bạc đánh cờ, học các nghề nghiệp...

Nếu có những tỳ-kheo nào có thể rời bỏ các việc xấu ác ấy, nên nói rằng những vị ấy là đệ tử chân thật của ta.

Lúc ấy, Ca-diếp lại bạch Phật: Thế Tôn! Chư tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di sống nhờ vào người khác. Trong khi khát thực, như gặp những món ăn có xen lẫn thịt thì nên ăn thế nào cho đúng phép thanh tịnh?

Phật dạy: Ca-diếp! Nên dùng nước mà rửa, loại bỏ thịt ra khỏi thức ăn rồi mới ăn. Như bát đựng cơm bị thịt làm ô uest, hãy rửa cho hết mùi vị đi rồi dùng thì không có tội. Như thấy trong thức ăn có nhiều thịt, chớ nên nhận lấy. Bất cứ món ăn nào nhìn thấy có thịt đều không nên ăn, nếu ăn thì có tội.

Nay ta nói phép cấm ăn thịt là như vậy, nếu nói rộng ra thì không thể hết. Sắp đến lúc nhập Niết-bàn nên ta chỉ dạy chỗ đại lược như thế. Đó gọi là có thể tùy chỗ hỏi mà đáp.

Ca-diếp! Thế nào là khéo giảng rõ nghĩa nhân duyên? Như có tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di đến hỏi ta rằng: ‘Thế Tôn! Nghĩa lý như vậy, tại sao lúc ban đầu Như Lai chẳng thuyết với vua Ba-tư-nặc nghĩa sâu xa vi diệu của pháp môn ấy? Hoặc khi thì thuyết lẽ sâu xa, khi thì thuyết lẽ nông cạn, hoặc khi gọi là phạm giới, khi gọi là chẳng phạm giới? Thế nào gọi là sa đọa? Thế nào gọi là giới luật? Thế nào là ý nghĩa của Ba-la-đề-mộc-xoa?’

Phật dạy: ‘Ba-la-đề-mộc-xoa gọi là biết đủ, thành tựu các oai nghi, không nhận lãnh và chứa trữ gì cả, cũng gọi là đời sống trong sạch.

Sa đọa tức là bốn nẻo ác.⁸

Sa đọa lại cũng có nghĩa là sa đọa vào địa ngục, cho tới rơi vào địa ngục Vô gián.⁹ Luận về chỗ mau chậm thì sự sa đọa ấy còn nhanh hơn cả cơn mưa to trút xuống. Người nghe biết như vậy phải sanh lòng kính sợ, giữ bền giới cấm, chẳng phạm oai nghi, tu tập hạnh biết đủ, đối với tất cả những vật bất tịnh đều không nhận lãnh.

Sa đọa cũng có nghĩa là nuôi lớn thêm những cảnh giới địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

Vì những nghĩa trên, nên gọi là sa đọa.

Ba-la-đề-mộc-xoa¹⁰ nghĩa là lia bỏ những nghiệp bất thiện, tà vạy của thân, miệng, ý. Giới luật nghĩa là oai nghi của tám giới,¹¹ những nghĩa lành trong kinh sâu xa, ngăn chặn việc nhận lãnh hết thảy những vật bất tịnh cùng những nhân duyên bất tịnh, cũng ngăn dứt Bốn tội trọng,¹² Mười ba tội tăng tàn,¹³ Hai tội không xác định,¹⁴ Ba mươi tội xả đọa,¹⁵ Chín mươi tội đơn đọa,¹⁶ Bốn tội cần sám hối,¹⁷ Một trăm hành vi không tốt cần phải học biết để tránh,¹⁸ Bảy phép dứt tranh cãi.¹⁹

Hoặc cũng có kẻ phạm vào tất cả các giới. Thế nào là tất cả? Đó là từ Bốn tội trọng cho tới Bảy phép dứt tranh cãi.

Lại như có người phi báng Chánh pháp của kinh điển rất sâu xa, cho đến những kẻ nhất-xiển-đề,²⁰ hoặc kẻ cho là mình được thành tựu đầy đủ, dứt hết tất cả tướng, không còn nhân duyên. Những người như vậy đều tự nói rằng: ‘Ta là người thông minh, có trí tuệ sắc bén.’ Các tội nặng hay nhẹ đều che giấu cả; họ che giấu các điều ác như con rùa giấu cả đầu đuôi và bốn chân vào dưới mu. Những tội như vậy, kéo dài mãi chẳng hề hối hận. Bởi không hối hận, nên tội lỗi ngày càng nhiều hơn. Những tỳ-kheo ấy đã phạm tội nhưng rốt cùng vẫn luôn giấu kín. Điều đó làm cho tội lỗi ngày càng lớn thêm, lan rộng. Như Lai đã biết việc ấy, nên lần lượt chế các giới cấm chứ không nói ra một lúc.

Bấy giờ, có những thiện nam tử, thiện nữ nhân bạch Phật rằng: ‘Thế Tôn! Như Lai biết việc như vậy đã lâu rồi, tại sao trước đó không ngăn cấm? Lẽ nào Thế Tôn muốn cho chúng sanh phải vào địa ngục Vô gián hay sao? Ví như có nhiều người muốn đi đến phương khác, nhưng lạc mất con đường chính, đi theo đường lạc hướng. Những người ấy chẳng biết rằng họ đang đi lạc, thấy đều cho rằng mình đi đúng đường. Họ lại chẳng gặp ai để có thể hỏi xem đường đi đúng hay chẳng đúng.’

Chúng sanh cũng như thế, mê lạc mất Phật pháp, chẳng thấy được chỗ chân chánh. Như Lai trước nên vì họ chỉ dạy con đường chân chánh, dạy các tỳ-

kheo rằng: Thế này là phạm giới. Thế này là trì giới. Ngài nên ngăn cấm như vậy. Vì sao vậy? Vì Như Lai Chánh giác là bậc chân thật, thấy biết con đường chân chánh. Chỉ có Như Lai, vị cao trội nhất trong các cõi trời, mới có thể thuyết dạy chỗ tăng thêm công đức và ý nghĩa của Mười điều lành. Vì vậy chúng con khải thỉnh Như Lai nên chế giới cấm từ trước khi xảy việc.’

Phật dạy: ‘Thiện nam tử! Nếu nói rằng Như Lai có thể vì chúng sanh giảng dạy chỗ tăng thêm công đức của Mười điều lành, vậy tức là Như Lai coi chúng sanh đồng như La-hầu-la. Sao lại vặn hỏi rằng: ‘Lẽ nào Thế Tôn muốn cho chúng sanh phải vào địa ngục?’ Khi ta thấy một người có nghiệp duyên phải đọa vào địa ngục Vô gián, ta còn vì người ấy mà trụ thế một kiếp hoặc một kiếp giảm. Ta có lòng đại từ bi đối với chúng sanh, đã thương như con một của mình thì duyên có chi lại đối gạt để cho chúng sanh phải vào địa ngục?’

Thiện nam tử! Ví như trong nước của vua có người mặc áo nạp y,²¹ trước nhìn thấy áo có lỗ rách, rồi sau mới vá kín lại. Như Lai cũng thế, thấy chúng sanh có nhân duyên vào địa ngục Vô gián, mới dùng những giới lành mà vá kín những chỗ chằng lành cho họ.

Thiện nam tử! Ví như vị Chuyên luân Thánh vương, trước vì chúng sanh thuyết dạy Mười điều lành. Rồi về sau, nếu có những người làm ác, vua ấy sẽ tùy việc mà dần dần dứt bỏ những việc ác. Những việc ác đã dứt rồi thì phép tắc của Thánh vương tự nhiên lưu hành.

Thiện nam tử! Ta đây cũng thế. Tuy có thuyết dạy, nhưng không thể chế các giới cấm từ trước. Cần phải dần dần do nơi những tỳ-kheo có việc làm phi pháp, mới theo từng việc mà chế các giới cấm. Có những chúng sanh hâm mộ Phật pháp, theo đúng lời dạy mà tu hành. Những chúng như vậy mới có thể thấy được Pháp thân Như Lai.

Ví như cái bánh xe báu của vị Chuyên luân vương là không thể nghĩ bàn. Như Lai cũng như thế, không thể nghĩ bàn. Hai ngôi báu Pháp và Tăng cũng không thể nghĩ bàn. Người có thể thuyết pháp và người nghe pháp cũng đều là không thể nghĩ bàn.

Đó gọi là khéo giảng rõ nghĩa nhân duyên.

Bồ Tát phân biệt và khai thị bốn ý nghĩa biểu lộ ra như vậy,²² đó gọi là nghĩa nhân duyên trong Đại Niết-bàn của Đại thừa.

Lại nữa, tự sửa mình chân chánh, ấy là đạt được Đại Bát Niết-bàn này. Làm cho kẻ khác trở nên chân chánh, là như ta vì các tỳ-kheo mà thuyết rằng: ‘Như Lai thường tôn, chẳng biến đổi.’ Ca-diếp! Tùy chỗ hỏi mà đáp, là như nhân nơi chỗ hỏi của ông mà ta thuyết rộng nghĩa lý rất thâm sâu vì điều này

với các vị Đại Bồ Tát, tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di. Về nghĩa nhân duyên, hàng Thanh văn, Duyên giác chẳng thể hiểu rõ nghĩa rất sâu xa như vậy, chẳng nghe biết rằng chữ Y do ba chấm hợp thành, cũng như tạng bí mật do Giải thoát, Niết-bàn và Đại trí tuệ Bát-nhã hợp thành.

Nay ta xiển dương phân biệt nghĩa này, vì hàng Thanh văn mà khai mở con mắt trí tuệ. Ví như có người nói rằng: ‘Trong bốn việc kể trên, sao gọi là một, chẳng phải là hư dối đó sao?’ Nên hỏi ngược lại rằng: ‘Như hư không đây vốn chẳng có chi hết, chẳng động, chẳng ngại. Bốn việc ấy có gì khác nhau? Vậy có thể nói là hư dối chăng?’

Bồ Tát Ca-diếp thưa: Bạch Thế Tôn, không phải. Những lời như vậy đều là một nghĩa, ấy là nghĩa không. Các việc như tự sửa mình chân chánh, làm cho kẻ khác trở nên chân chánh, tùy chỗ hỏi mà đáp, giảng rõ nghĩa nhân duyên, cũng đều là như vậy, tức là Đại Niết-bàn, chẳng có gì khác nhau.

Phật bảo Ca-diếp: Như có kẻ nói rằng: ‘Như Lai là vô thường. Làm sao biết là vô thường? Như Phật có nói: Dứt các phiền não gọi là Niết-bàn, cũng như lửa tắt chẳng còn gì cả. Dứt các phiền não lại cũng như vậy, cho nên gọi là Niết-bàn. Vậy làm sao Như Lai lại là pháp thường trụ, không biến đổi?’

Như Phật có nói: Lìa khỏi các cảnh có,²³ mới gọi là Niết-bàn. Vậy trong Niết-bàn không có các cảnh có. Vậy làm sao Như Lai lại là pháp thường trụ, không biến đổi?

Như cái áo đã hư rách hết thì chẳng còn ra vật gì. Niết-bàn cũng thế, diệt hết các phiền não thì chẳng còn gì cả. Vậy làm sao Như Lai lại là pháp thường trụ, không biến đổi?

Như Phật có nói: Lìa đục tịch diệt, gọi là Niết-bàn. Như người kia bị chém đầu, tức không có đầu. Lìa đục tịch diệt lại cũng như vậy, không có chi cả, nên gọi là Niết-bàn. Vậy làm sao Như Lai lại là pháp thường trụ, không biến đổi?

Như Phật có nói:

Ví như sắt nung đỏ,

Búa nện, nháng lửa văng.

Văng ra liền diệt mất,

Chẳng biết ở nơi nào!

Được giải thoát chân chánh,

*Lại cũng như vậy đó.
Đã vượt khỏi: dâm dục,
Các cảnh có, bần lây,
Được chỗ không lay động,
Chẳng biết tới nơi nào!*

Vậy làm sao Như Lai lại là pháp thường trụ, không biến đổi?

Ca-diếp! Như có người vặn hỏi [những điều] như vậy, thì đó là sự vặn hỏi sai trái. Ca-diếp! Ông cũng chẳng nên nghĩ tưởng như thế, cho rằng tánh của Như Lai là dứt mất.

Ca-diếp! Việc dứt các phiền não không thuộc về sự vật. Vì sao vậy? Vì dứt sạch mãi mãi nên gọi là thường. Nói như vậy nghĩa là vắng lặng hoàn toàn, không còn chi hơn nữa. Dứt sạch hết các tướng, chẳng còn chút dấu vết. Nói như vậy nghĩa là sáng rõ, thường trụ, chẳng thôi lui. Vậy nên Niết-bàn gọi là thường trụ.

Như Lai cũng thế, thường trụ, chẳng biến đổi. Khi búa nện xuống sắt đỏ, nháng lửa liền văng ra, đó là ví như phiền não. Văng ra liền diệt mất, chẳng biết ở nơi nào, đó là ví như các đức Như Lai đã dứt sạch phiền não, chẳng lưu chuyển trong Năm đường.²⁴ Cho nên Như Lai là pháp thường trụ, chẳng biến đổi.

Lại nữa, Ca-diếp! Pháp là thầy của chư Phật, cho nên Như Lai cung kính cúng dường. Vì pháp là thường, nên chư Phật cũng là thường.

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: Như lửa phiền não dứt thì Như Lai cũng dứt. Như vậy tức là Như Lai không có chỗ thường trụ. Ví như những nháng lửa kia, khi màu đỏ tắt mất thì chẳng biết đi đến chỗ nào. Phiền não của Như Lai cũng vậy, chẳng biết đi đến chỗ nào. Lại như khối sắt kia, nung nóng có màu đỏ, khi nguội rồi thì hơi nóng và màu đỏ đều không còn nữa. Như Lai cũng thế, diệt rồi là vô thường, lửa phiền não đã dứt, liền nhập Niết-bàn. Nên biết rằng Như Lai là vô thường.

Phật dạy: Thiện nam tử! Khối sắt mà ông ví dụ đó, ấy là hạng phàm phu. Phàm phu tuy dứt phiền não, nhưng dứt rồi lại sanh ra, cho nên gọi là vô thường. Như Lai chẳng phải vậy, đã dứt rồi chẳng sanh ra nữa, cho nên gọi là thường.

Bồ Tát Ca-diếp lại nói: Như khối sắt kia đã mất màu đỏ, nếu đặt trở vào trong lửa thì màu đỏ lại sanh ra. Như Lai cũng thế, lẽ ra lại sanh các mối trói buộc. Nếu trói buộc lại sanh ra, tức là vô thường.

Phật dạy: Ca-diếp! Nay ông không nên nói Như Lai là vô thường. Tại sao vậy? Vì Như Lai là thường.

Thiện nam tử! Như người đốt cây, lửa tắt rồi thì có tro. Phiền não dứt rồi, liền có Niết-bàn. Những ví dụ khác như cái áo rách nát, cái đầu bị chém, cái bình hư bể... cũng đều như vậy. Những vật ấy đều có tên gọi, như là cái áo rách nát, cái đầu bị chém, cái bình hư bể...

Ca-diếp! Như sắt nguội rồi, có thể làm nóng lại. Như Lai chẳng phải thế, dứt sạch phiền não, rốt ráo trở nên trong sạch mát mẻ, lửa nóng phiền não không thể sanh trở lại.

Ca-diếp! Nên biết rằng vô lượng chúng sanh dường như sắt kia, ta dùng lửa nóng của trí tuệ vô lậu mà đốt cháy những phiền não trói buộc họ.

Ca-diếp bạch rằng: Lành thay, lành thay! Nay con đã rõ chỗ Như Lai thuyết dạy: ‘Chư Phật là thường tồn.’

Phật dạy: Ca-diếp! Ví như vị thánh vương, thường ngự nơi hậu cung, hoặc có khi ra sau vườn ngoạn cảnh. Dù vua chẳng ở giữa các cung nữ, nhưng không thể nói là Thánh vương đã chết.

Thiện nam tử! Như Lai cũng thế, dù nhập Niết-bàn, chẳng hiện ra ở cõi Diêm-phù-đề, nhưng không thể nói là vô thường.

Như Lai đã ra khỏi vô lượng phiền não, vào cảnh an vui Niết-bàn, dạo chơi thanh thoát trong vườn hoa trí tuệ giác ngộ.

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: Như Phật có nói: ‘Từ lâu ta đã vượt qua biển cả phiền não.’ Nếu như Phật đã vượt qua biển phiền não từ lâu, vậy duyên có gì lại cùng bà Da-du-đà-la sanh ra La-hầu-la? Cứ theo như việc này thì thấy rằng Như Lai chưa vượt qua biển cả phiền não trói buộc. Vậy xin Như Lai giảng rõ nhân duyên này.

Phật bảo Ca-diếp: Ông chẳng nên nói rằng: ‘Như Lai từ lâu đã vượt qua biển cả phiền não, vậy duyên có gì lại cùng bà Du-da-đà-la sanh ra La-hầu-la? Cứ theo như việc này thì thấy rằng Như Lai chưa vượt qua biển cả phiền não trói buộc.’

Thiện nam tử! Kinh Đại Niết-bàn này có thể kiến lập nghĩa lớn. Nay các ông nên hết lòng lắng nghe, ta sẽ vì mọi người mà thuyết rộng, chớ nên sanh tâm sợ sệt, nghi ngờ.

Như có vị Đại Bồ Tát trụ ở Đại Niết-bàn, vị ấy có thể đem núi chúa Tu-di cao rộng như thế kia mà đưa vào trong vỏ hạt đing lịch.²⁵ Trong khi đó, những chúng sanh sống trong núi Tu-di ấy cũng chẳng có cảm giác bị dồn ép và bị mang đi, vẫn thấy như thường, không có chi lạ. Chỉ có người cần được hóa độ²⁶ mới thấy vị Bồ Tát ấy đem núi Tu-di đặt vào vỏ hạt đing lịch, rồi đặt núi ấy trở lại chỗ cũ một cách yên ổn.

Thiện nam tử! Lại như có vị Đại Bồ Tát trụ ở Đại Niết-bàn, vị ấy có thể đem cõi thế giới tam thiên đại thiên mà đặt vào trong vỏ hạt đing lịch. Trong khi ấy, chúng sanh ở toàn cõi thế giới chẳng có cảm tưởng là bị dồn ép và bị mang đi lại, thấy đều như thường, không có chi lạ. Chỉ có người cần được hóa độ mới thấy vị Bồ Tát ấy đem cõi thế giới tam thiên đại thiên mà đặt vào vỏ hạt đing lịch, rồi đặt cõi ấy trở lại chỗ cũ một cách yên ổn.

Thiện nam tử! Cũng giống như vậy, vị Đại Bồ Tát trụ ở Đại Niết-bàn có thể đem cõi thế giới tam thiên đại thiên mà để vào một chỗ chân lông, rồi lại đem cõi ấy đặt về chỗ cũ.

Thiện nam tử! Lại có vị Đại Bồ Tát trụ ở Đại Niết-bàn, bứt lấy nhiều cõi thế giới tam thiên đại thiên của chư Phật ở mười phương, đặt nơi đầu một cây kim, như xâu những lá táo lại, rồi ném những cõi ấy đến những cõi Phật ở phương khác. Trong khi ấy, tất cả chúng sanh ở những cõi ấy chẳng hay biết rằng mình bị mang đi hay đang ở chỗ nào. Chỉ có người cần được hóa độ mới thấy được việc ấy. Cho đến khi Bồ Tát đặt những cõi ấy trở lại chỗ cũ một cách yên ổn.

Thiện nam tử! Lại có vị Đại Bồ Tát trụ ở Đại Niết-bàn, bứt lấy các cõi thế giới tam thiên đại thiên của chư Phật ở mười phương, đặt nơi lòng bàn tay phải của mình, như cái bàn xoay của người thợ lò gốm, rồi ném những cõi ấy đến các cõi thế giới nhiều như những hạt bụi nhỏ ở các phương khác, mà chẳng có một chúng sanh nào ở các cõi ấy có cảm giác là bị mang đi. Chỉ có người cần được hóa độ mới thấy được việc ấy. Cho đến khi Bồ Tát đặt những cõi ấy trở lại chỗ cũ một cách yên ổn.

Thiện nam tử! Lại có vị Đại Bồ Tát trụ ở Đại Niết-bàn, bứt lấy tất cả những cõi thế giới của vô lượng chư Phật trong mười phương, dồn nập hết vào thân mình. Chúng sanh trong các cõi ấy cũng chẳng có những cảm giác như là bị dồn ép, bị mang đi hay bị đặt ở chỗ nào. Chỉ có người cần được hóa độ mới thấy được việc ấy. Cho đến khi Bồ Tát đặt những cõi ấy trở lại chỗ cũ một cách yên ổn.

Thiện nam tử! Lại có vị Đại Bồ Tát trụ ở Đại Niết-bàn, đem tất cả các cõi thế giới trong mười phương mà dồn nập vào trong một hạt bụi nhỏ. Các chúng sanh ở trong các cõi ấy cũng chẳng có cảm giác là bị dồn ép và bị mang đi. Chỉ có người cần được hóa độ mới thấy được việc ấy. Cho đến khi Bồ Tát đặt những cõi ấy trở lại chỗ cũ một cách yên ổn.

Thiện nam tử! Vị Đại Bồ Tát trụ ở Đại Niết-bàn như vậy, có thể thị hiện vô số các loại thần thông biến hóa. Vì vậy nên gọi là Đại Bát Niết-bàn. Vô số các loại thần thông biến hóa mà vị Đại Bồ Tát ấy có thể thị hiện như vậy, tất cả chúng sanh đều không thể tính lường được.

Nay ông làm sao có thể hiểu nổi chỗ Như Lai gần gũi ái dục, sanh ra La-hầu-la?

Thiện nam tử! Từ lâu ta đã trụ ở Đại Niết-bàn này, thị hiện đủ các loại thần thông biến hóa. Ở thế giới tam thiên đại thiên này, trăm ngàn mặt trời mặt trăng, trăm ngàn cõi Diêm-phù-đề, đủ mọi cách thị hiện, như trong kinh Thủ Lăng Nghiêm đã có giảng rộng.

Ta ở trong cõi thế giới tam thiên đại thiên, hoặc trong cõi Diêm-phù-đề thị hiện nhập Niết-bàn, nhưng rốt ráo chẳng chấp giữ Niết-bàn. Hoặc ta ở cõi Diêm-phù-đề thị hiện vào thai mẹ, khiến cha mẹ tưởng rằng ta là con. Nhưng thân này của ta hoàn toàn chẳng do ái dục hòa hiệp mà có thể sanh ra được. Từ vô lượng kiếp đến nay ta đã lìa bỏ ái dục. Thân này của ta tức là Pháp thân, vì tùy thuận thế gian nên thị hiện vào trong bào thai.

Thiện nam tử! Tại Diêm-phù-đề, trong vườn Lam-tì-ni, ta thị hiện sanh ra bởi mẹ là bà Ma-da. Sanh ra rồi, ta liền đi bảy bước về phương đông, nói lên lời này: ‘Trong cõi trời, người, a-tu-la, ta là bậc cao quý hơn hết.’ Cha mẹ, mọi người, chư thiên thấy vậy đều lấy làm kinh dị và vui mừng, cho là việc chưa từng có.

Nhưng ai nấy đều bảo rằng ta vẫn là một hài nhi. Tuy vậy, thân này của ta từ vô lượng kiếp đến nay đã lìa khỏi mọi cách nuôi dưỡng thông thường. Thân Như Lai tức là Pháp thân, chẳng phải do máu thịt, gân, mạch, cốt tủy mà thành. Vì tùy thuận theo pháp thế gian của chúng sanh nên thị hiện làm một hài nhi.

Ta đi bảy bước về phương nam, thị hiện muốn làm chỗ ruộng phước cao trỗi nhất cho vô lượng chúng sanh.

Ta đi bảy bước về phương tây, thị hiện không còn sanh ra nữa, mãi mãi chấm dứt sự già, chết, hiện thân cuối cùng.

Ta đi bảy bước về phương bắc, thị hiện đã vượt khỏi mọi cảnh giới hiện hữu trong sanh tử.

Ta đi bảy bước về phương đông, thị hiện làm bậc đi đầu dẫn đường cho tất cả chúng sanh.

Ta đi bảy bước về bốn phương phụ,²⁷ thị hiện dứt sạch mọi phiền não và bốn thứ ma, thành bậc Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri.

Ta đi bảy bước về phương trên, thị hiện chẳng bị nhiễm ô bởi những vật bất tịnh, dường như hư không.

Ta đi bảy bước về phương dưới, thị hiện mưa pháp rưới tắt lửa địa ngục, khiến các chúng sanh ở đó được cái vui yên ổn, thị hiện [phá tan mọi tà kiến như] mù sương và mưa đá [làm dập nát mọi thứ cây cỏ] đối với những kẻ phạm vào giới cấm.

Ở cõi Diêm-phù-đề, khi sanh ra được bảy ngày ta lại thị hiện việc cạo tóc. Ai nấy đều gọi ta là một hài nhi. Lúc mới cạo tóc, hết thấy hàng trời, người, Ma vương Ba-tuần, sa-môn, bà-la-môn, không ai có thể thấy được tướng trên đỉnh đầu²⁸ của ta, hướng chi là có việc cầm dao cạo tóc? Không một người nào có thể cầm dao chạm được đến đỉnh đầu ta cả. Vì trong vô lượng kiếp ta vốn đã dứt trừ râu tóc, chỉ muốn tùy thuận pháp thế gian nên mới thị hiện việc cạo tóc đó thôi.

Ta sanh ra rồi, cha mẹ bèn đưa ta vào đền thờ thiên thần để ta ra mắt vị Đại tự tại Thiên vương.²⁹ Vừa trông thấy ta, Đại tự tại Thiên vương liền chấp tay cung kính đứng sang một bên. Trong vô lượng kiếp qua ta đã lia bỏ không vào những nơi thờ thiên thần như thế, chẳng qua vì muốn tùy thuận thế gian nên ta mới thị hiện như vậy.

Ở cõi Diêm-phù, ta thị hiện việc xỏ lỗ tai. Thật ra, trong tất cả chúng sanh không ai có thể xỏ lỗ tai ta được. Chẳng qua vì tùy thuận chúng sanh ở thế gian nên ta thị hiện như vậy. Người ta lại dùng các vật báu làm ra hoa tai sư tử để làm đẹp hai lỗ tai của ta. Tuy nhiên, trong vô lượng kiếp qua ta đã lia bỏ những món trang sức như vậy. Chẳng qua vì muốn tùy thuận thế gian nên ta mới thị hiện như vậy.

Ta thị hiện vào học đường, học tập sách vở. Tuy nhiên, trong vô lượng kiếp ta đã thành tựu đầy đủ, nhìn khắp chúng sanh trong Ba cõi không ai đủ sức làm thầy ta, cho nên danh hiệu của ta là Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri. Chẳng qua vì muốn tùy thuận thế gian mà ta thị hiện vào học đường. Ta học các phép cưỡi voi, phi ngựa, đấu sức và đủ các nghề khéo léo cũng chỉ là sự thị hiện tùy thuận chúng sanh giống như vậy.

Ở Diêm-phù-đề, ta thị hiện làm thái tử con vua. Chúng sanh đều thấy ta làm thái tử, vui hưởng năm món dục lạc.³⁰ Tuy nhiên, trong vô lượng kiếp ta đã lìa bỏ sự vui thích năm món dục lạc ấy. Chẳng qua vì muốn tùy thuận phép thế gian, cho nên ta thị hiện tướng trạng như vậy.

Vị thầy xem tướng cho ta đoán rằng: ‘Nếu chẳng xuất gia, sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, thống trị cõi Diêm-phù-đề.’ Tất cả chúng sanh đều tin lời ấy. Tuy nhiên, trong vô lượng kiếp ta đã lìa bỏ ngôi Chuyển luân mà làm vị Pháp luân vương.³¹

Ở Diêm-phù-đề, ta thị hiện lìa bỏ sự vui hưởng năm món dục với các cung nữ. Lại thị hiện gặp người già, người bệnh và thầy sa-môn, rồi xuất gia tu học đạo lý. Chúng sanh đều nói rằng: ‘Thái tử Tất-đạt mới vừa xuất gia.’ Tuy nhiên, ta vốn đã xuất gia học đạo từ vô lượng kiếp. Chẳng qua tùy thuận phép thế gian nên thị hiện như vậy.

Ở Diêm-phù-đề, ta thị hiện xuất gia, thọ giới cụ túc, tinh cần tu đạo, đắc quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán. Chúng sanh đều bảo rằng ta thành tựu quả A-la-hán thật rất dễ dàng. Tuy nhiên, ta đã thành tựu quả A-la-hán từ vô lượng kiếp. Chẳng qua vì muốn độ thoát các chúng sanh, nên ta trái cớ làm tòa ngôi ở đạo tràng nơi cội cây bồ-đề mà hàng phục chúng ma. Mọi người đều bảo rằng ta mới vừa hàng phục binh ma ở đạo tràng nơi cội cây bồ-đề. Tuy nhiên, ta đã hàng phục chúng ma từ vô lượng kiếp rồi. Chẳng qua vì muốn độ những chúng sanh ngang bướng, cho nên ta thị hiện cách hóa độ ấy mà thôi.

Ta lại thị hiện các việc đại, tiểu tiện, thở ra, thở vào... Ai nấy đều bảo ta có đại, tiểu tiện, thở ra, thở vào... Tuy nhiên, chỗ quả báo mà thân ta đây có được thật không có những việc đại, tiểu tiện, thở ra, thở vào ấy. Chẳng qua ta tùy thuận thế gian nên thị hiện như vậy.

Ta lại thị hiện nhận sự bố thí của người có lòng tin. Tuy nhiên, thân ta vốn không có sự đói khát. Chẳng qua tùy thuận pháp thế gian nên ta thị hiện như vậy.

Ta lại thị hiện đồng như chúng sanh, có sự ngủ nghỉ. Tuy nhiên, trong vô lượng kiếp rồi, ta đã có đầy đủ trí tuệ sâu xa màu nhiệm hơn hết, lìa xa Ba cõi.

Ta cũng thị hiện những oai nghi như đi, đứng, nằm, ngồi, nhức đầu, đau bụng, đau lưng, khảy đàn, rửa chân, rửa tay, rửa mặt, súc miệng, xỉa răng... Mọi người đều bảo rằng ta có những việc ấy. Tuy nhiên, thân này của ta vốn không có những việc ấy. Tay chân ta vốn sạch sẽ như hoa sen, hơi miệng ta thơm tho như hương hoa ưu-bát-la. Tất cả chúng sanh đều bảo rằng ta là người, nhưng thật ra ta vốn chẳng thuộc về loài người.

Ta lại thị hiện thọ nhận lấy y phần tảo³² rồi giặt giũ, vá may. Tuy nhiên, từ lâu ta vốn chẳng cần thứ áo như vậy.

Mọi người đều nói rằng La-hầu-la là con ta, vua Tịnh-phạn là cha ta, phu nhân Ma-da là mẹ ta. Ta ở tại thế gian, thọ hưởng các sự khoái lạc, rồi lìa bỏ tất cả để xuất gia học đạo. Mọi người lại nói rằng: ‘Vị thái tử họ Cồ-đàm ấy lìa xa mọi sự vui sướng của thế gian, tìm cầu pháp xuất thế gian.’ Tuy nhiên, từ lâu ta đã lìa xa mọi ái dục thế gian. Những việc như vậy chỉ là sự thị hiện. Tất cả chúng sanh đều bảo rằng ta là người, nhưng thật ra ta vốn chẳng thuộc về loài người.

Thiện nam tử! Tuy rằng ta ở tại cõi Diêm-phù-đề này đã biết bao lần thị hiện nhập Niết-bàn, nhưng thật rốt ráo chẳng nhập Niết-bàn. Chúng sanh đều bảo rằng Như Lai thật đã diệt mất, nhưng tánh Như Lai thật vĩnh viễn không diệt mất. Vì vậy, nên biết rằng đó là pháp thường trụ, pháp chẳng biến đổi.

Thiện nam tử! Đại Niết-bàn là cõi pháp của chư Phật Như Lai. Ta lại thị hiện ra đời trong cõi Diêm-phù-đề. Chúng sanh đều bảo rằng ta mới thành Phật. Tuy nhiên, từ vô lượng kiếp ta đã làm xong những việc phải làm. Chẳng qua tùy thuận thế gian nên ta lại thị hiện ra đời rồi thành Phật ở cõi Diêm-phù-đề.

Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đề, chẳng giữ giới cấm, phạm Bốn tội trọng.³³ Mọi người đều thấy, bảo rằng ta thật có phạm giới. Tuy nhiên, trong vô lượng kiếp rồi ta đã giữ giới cấm một cách kiên cố, chẳng hề có sự thiếu sót lỗi lầm.

Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đề, làm kẻ nhất-xiển-đề.³⁴ Mọi người đều thấy rằng đó là kẻ nhất-xiển-đề. Tuy nhiên, ta thật chẳng phải là kẻ nhất-xiển-đề. Nếu ta là kẻ nhất-xiển-đề, làm sao có thể thành quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề?

Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đề, phá hòa hiệp Tăng. Chúng sanh đều bảo rằng ta là kẻ phá Tăng. Thật ra, ta quán xét khắp cõi trời người vốn chẳng ai có thể phá được Chúng tăng hòa hiệp!

Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đề, hộ trì Chánh pháp. Ai nấy đều bảo rằng ta là người hộ pháp, thầy đều lấy làm kinh quái. Nhưng pháp của chư Phật là như thế, chẳng nên lấy làm kinh quái.

Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đề, làm ma Ba-tuần. Ai nấy đều bảo rằng ta là Ba-tuần. Tuy nhiên, từ vô lượng kiếp tới nay, ta đã lìa khỏi những việc của ma, thanh tịnh không nhiễm ô, dường như hoa sen.

Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đề, làm thân nữ thành Phật. Mọi người đều nói: ‘Kỳ lạ thay! Người nữ mà có thể thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề!’ Thật ra, Như Lai rất cùng chẳng thọ thân nữ. Chẳng qua vì muốn điều phục vô lượng chúng sanh nên hiện ra hình tượng người nữ. Vì thương xót tất cả chúng sanh, cho nên ta cũng thị hiện ra đủ mọi thứ hình sắc, cảnh tượng.

Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đề, sanh vào bốn nẻo ác.³⁵ Tuy nhiên, từ lâu ta đã dứt hết các nhân sanh vào đó. Chúng sanh vì nghiệp nhân mới sanh vào bốn nẻo ác, còn ta vì cứu độ chúng sanh nên sanh vào đó.

Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đề làm Phạm thiên vương, khiến những ai thờ Phạm thiên đều được trụ yên nơi Chánh pháp. Tuy nhiên, ta thật chẳng phải Phạm thiên. Chúng sanh đều bảo rằng ta thật là Phạm thiên. Cũng như thế, ta thị hiện làm hình tượng chư thiên ở khắp các miếu thờ thiên thần.

Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đề, vào nhà dâm nữ. Tuy nhiên, ta thật chẳng có tư tưởng tham dục, thanh tịnh chẳng nhiễm ô, dường như hoa sen. Ta vì những chúng sanh tham dâm đắm sắc nên ở nơi ngã tư đường mà tuyên thuyết pháp màu. Tuy nhiên, ta thật chẳng có lòng dâm dục ô uế. Mọi người đều nói rằng ta che chở bảo vệ cho người nữ.

Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đề, vào chốn lầu xanh để giáo hóa các kỹ nữ, khiến họ trụ nơi Chánh pháp. Tuy nhiên, ta thật không có các nghiệp ác để phải đọa vào chốn ấy.

Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đề, làm người học rộng biết nhiều để dạy dỗ trẻ con, khiến cho trụ nơi Chánh pháp.

Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đề, vào những nơi quán rượu, những nơi cờ bạc, thị hiện nhận lấy mọi cách tranh đấu hơn thua, vì ta muốn cứu giúp những chúng sanh ở đó. Thật ta không có các nghiệp ác như vậy. Nhưng chúng sanh đều thấy rằng ta có tạo các nghiệp như vậy.

Ta lại thị hiện ở lâu nơi vùng mờ mả, làm loài chim kên kên lớn để hóa độ các loài chim. Chúng sanh đều bảo rằng ta thật là thân kên kên. Tuy nhiên, từ lâu ta đã lìa khỏi các nghiệp như thế, chỉ vì muốn độ những loài chim kia nên thị hiện thân ấy.

Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đề, làm vị đại trưởng giả, vì ta muốn làm cho vô lượng chúng sanh trụ yên nơi Chánh pháp. Ta cũng thị hiện làm vua, quan đại thần, con vua, tể tướng. Ở trong mỗi hạng ấy, ta đều làm bậc cao trội nhất. Vì tu Chánh pháp ta mới ở địa vị của vua.

Ta lại thị hiện [làm cho] trong cõi Diêm-phù-đề phát khởi bệnh dịch lớn nhất trong kiếp. Nhiều chúng sanh khổ não vì bệnh, trước ta cho họ thuốc men, sau mới thuyết Chánh pháp vi diệu, khiến họ được trụ yên nơi đạo bồ-đề vô thượng. Mọi người đều bảo rằng đó bệnh tật trong kiếp tự sanh khởi.

Ta lại thị hiện [làm cho] trong cõi Diêm-phù-đề có nạn đói lớn nhất trong kiếp. Rồi tùy chỗ chúng sanh cần đến, ta cung cấp đủ món ăn thức uống cho họ, sau mới thuyết Chánh pháp vi diệu, khiến họ trụ yên nơi đạo bồ-đề vô thượng.

Ta lại thị hiện [làm cho] trong cõi Diêm-phù-đề có nạn đao binh lớn nhất trong kiếp. Ta vì chúng sanh mà thuyết pháp, khiến họ lìa khỏi sự oán hại, được trụ yên nơi đạo bồ-đề vô thượng.

Ta lại thị hiện vì những kẻ chấp thường mà giảng thuyết phép quán tưởng vô thường; vì những kẻ chấp lấy sự vui mà giảng thuyết phép quán tưởng lẽ khổ; vì những kẻ chấp ngã mà giảng thuyết phép quán vô ngã; vì những kẻ chấp lấy sự trong sạch mà giảng thuyết về sự bất tịnh.

Như có những chúng sanh tham đắm Ba cõi, ta liền thuyết pháp khiến cho họ lìa khỏi Ba cõi. Vì độ chúng sanh, ta mới dùng đến món thuốc là pháp vi diệu cao trỗi nhất. Vì trừ tuyệt tất cả những cây phiền não, ta mới trồng cây thuốc pháp cao trỗi nhất. Vì muốn cứu vớt những kẻ ngoại đạo, ta mới diễn thuyết Chánh pháp. Tuy ta thị hiện làm thầy của chúng sanh, nhưng chẳng hề có tư tưởng là thầy của chúng sanh. Vì muốn cứu vớt những kẻ hạ tiện, ta mới thị hiện vào trong cảnh ngộ của họ mà thuyết pháp, chứ không phải vì nghiệp ác mà phải chịu thân hạ tiện.

Như Lai Chánh giác trụ yên nơi Đại Bát Niết-bàn như vậy đó. Cho nên gọi là thường trụ, chẳng biến đổi. Như cõi Diêm-phù-đề, cõi Phát-vu-đãi phương đông, cõi Cồ-da-ni phương tây, cõi Uất-đan-việt phương bắc đều cũng như vậy.³⁶ Như bốn cõi thiên hạ, cõi thế giới tam thiên đại thiên lại cũng như vậy. Cho đến khắp hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu³⁷ như trong kinh Thủ Lăng Nghiêm đã có giảng rộng. Vì vậy nên gọi là Đại Bát Niết-bàn. Như có vị Bồ Tát nào trụ yên nơi Đại Bát Niết-bàn ấy, có thể thị hiện biến hóa thân thông như vậy mà không có sự sợ sệt chi cả.

Ca-diếp! Vì nhân duyên như thế, ông chớ nên nói rằng: ‘La-hầu-la là con của Phật.’ Vì sao vậy? Từ vô lượng kiếp đến nay ta đã lìa bỏ lòng dục. Vì vậy nên Như Lai gọi là thường trụ, không có biến đổi.

Ca-diếp lại bạch Phật rằng: Sao gọi Như Lai là thường trụ? Như Phật có dạy: ‘Như ngọn đèn tắt rồi, chẳng đi về đâu cả; Như Lai cũng thế, khi diệt độ rồi cũng chẳng đi về đâu.’

Phật bảo Ca-diếp: Thiện nam tử! Nay ông không nên nói rằng: ‘Nhu ngọn đèn tắt rồi, chẳng đi về đâu cả; Như Lai cũng thế, khi diệt độ rồi cũng chẳng đi về đâu.’

Thiện nam tử! Ví như người đốt đèn, châm dầu đầy vào đèn. Khi dầu còn thì đèn còn sáng, dầu hết thì đèn cũng hết sáng. Ánh sáng không còn là ví như phiền não đã dứt. Mặc dầu ánh sáng không còn nhưng cái đèn vẫn còn đó. Như Lai cũng vậy, phiền não tuy đã dứt, nhưng pháp thân thường còn.

Thiện nam tử! Ông nghĩ sao, ánh sáng với cái đèn có phải cả hai đều cùng mất đi chẳng?

Ca-diếp thưa: Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy. Nhưng tuy cả hai không cùng mất đi, vẫn là vô thường. Nếu đem pháp thân mà ví như cái đèn, thì cái đèn là vô thường, pháp thân cũng vậy, hẳn là vô thường.

Phật dạy: Thiện nam tử! Nay ông chẳng nên cật vấn như thế. Như thế gian nói đến các món chứa đựng, thì Như Lai Thế Tôn là món chứa đựng pháp vô thượng. Món đồ chứa đựng của thế gian là vô thường chứ Như Lai chẳng phải là vô thường. Trong tất cả các pháp, Niết-bàn là thường. Như Lai là thể của Niết-bàn, cho nên gọi là thường.

Lại nữa, Thiện nam tử! Nói là đèn tắt, đó là chỗ chứng Niết-bàn của A-la-hán. Bởi dứt các phiền não tham ái, cho nên so sánh với đèn tắt vì hết dầu. Quả A-na-hàm gọi là còn có tham. Bởi còn có tham nên không được so sánh với cây đèn tắt. Vậy nên trước kia ta lấy nghĩa này mà ví dụ như cây đèn tắt, thật không phải Đại Niết-bàn là như cây đèn tắt.

A-na-hàm nghĩa là không còn phải sanh lại chốn nhân gian nhiều lần nữa, cũng chẳng trở lại trong Hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu, mãi mãi chẳng còn thọ lấy cái thân hôi hám, cái thân [là nơi tụ họp của các loài] trùng, cái thân nuôi sống bằng ăn uống, cái thân độc hại. Như vậy gọi là A-na-hàm.

Như còn phải thọ thân sau thì gọi là Na-hàm; chẳng còn phải thọ thân sau thì gọi là A-na-hàm. Còn đến đi ở chốn này gọi là Na-hàm; chẳng còn đến đi nữa gọi là A-na-hàm.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN BỐN

¹ Theo Nam bản thì đây là phẩm Tứ tướng, thứ bảy, phần một (Tứ tướng phẩm, đệ thất chi nhất)

² Ba loại thịt trong sạch: 1. Thịt của con vật mà mắt người ăn chẳng nhìn thấy nó bị giết. 2. Thịt của con vật mà tai người ăn chẳng nghe biết nó bị giết. 3. Thịt của con vật mà người ăn hoàn toàn không biết là đã bị giết để cho mình ăn.

³ Chín loại tịnh nhục: Bao gồm các loại thịt: 1. Thịt của con vật mà mắt chẳng nhìn thấy bị giết. 2. Thịt của con vật mà tai chẳng nghe biết khi bị giết. 3. Thịt của con vật mà hoàn toàn không biết là giết để cho mình ăn. 4. Thịt của con vật mà chẳng phải người ta giết để đãi mình. 5. Thịt của con vật chết tự nhiên, không bị giết hại. 6. Thịt của con vật do các loài chim dữ hại chết để ăn còn thừa. 7. Thịt khô. 8. Thịt bắt ngờ gặp phải, không cố ý tìm ăn. 9. Thịt của con vật đã bị giết từ trước.

⁴ Làm cho mất vẻ đẹp đi (hoại sắc): khi nhận vải cúng dường để may y, vị tỳ-kheo phải làm cho mất màu đẹp của vải bằng cách nhuộm thuần một màu mà người thế gian chê bỏ, thường là màu nâu sậm, gọi là hoại sắc.

⁵ Bản Hán văn e có đôi chút sai lệch. Cứ theo văn kinh mà hiểu thì ở đây hẳn ngài Ca-diếp muốn nói đến các loại sản phẩm có được từ loài vật như sữa, da thú, tơ tằm, vỏ ốc... Như vậy có lẽ hợp lý hơn.

⁶ Ni-kiền hay Ni-kiền-đà: Một trong 6 phái ngoại đạo đồng thời với đức Phật. Ni-kiền dịch nghĩa là Ly hệ giả (lìa sự ràng buộc). Người tu theo phái Ni-kiền không mặc quần áo (lỏa thể), vì họ cho rằng quần áo là các món ràng buộc.

⁷ Tứ đạo thánh nhân: Các vị tu tập vào bốn giai đoạn sắp chứng quả Niết-bàn. Tứ đạo được kể ra cụ thể là 4 giai đoạn tu tập sắp đạt đến sự giải thoát rốt ráo, đó là: Gia hành đạo, Vô vấn đạo, Giải thoát đạo và Thăng tiến đạo.

⁸ Đây chỉ các cảnh giới: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la

⁹ Vô gián địa ngục (tức là A-tỳ địa ngục): cảnh địa ngục mà chúng sanh có tội nghiệp nặng nề nhất phải sanh vào. Ở đó sự hành hình đau đớn không phút giây nào gián đoạn nên gọi là vô gián.

¹⁰ Ba-la-đề-mộc-xoa: Hán dịch là Biệt giải thoát, cũng gọi là Tùy thuận giải thoát, tức là phần giới luật căn bản mà Phật đã chế định cho chúng tăng, tỳ-kheo và tỳ-kheo ni đều phải tuân theo.

¹¹ Tám giới (Bát giới), ở đây chỉ chung các giới tương nhìn thấy từ bên ngoài, cũng gọi là Tường kiến giới điều.

¹² Cũng gọi là Tứ ba-la-di, là các giới mà khi phạm vào phải bị trục xuất khỏi tăng đoàn. Ba-la-di, Hán dịch là Khí, tức là dứt bỏ, cũng dịch là Cực ác. Đây là loại tội nặng nhất, người phạm vào phải bị trục xuất, không còn được sống chung trong chúng tăng (bất cộng trụ).

¹³ Cũng gọi là 13 tội Tăng-già bà-thi-sa, Hán dịch là tăng tàn. Người phạm giới này như người bị chém mà chưa đứt hẳn, còn có thể cứu sống, đó là nhờ vào việc sám hối theo đúng pháp. Các tội này nhẹ hơn tội ba-la-di, nên gọi là tăng tàn. Có nơi gọi là tội hữu dư.

¹⁴ Nhị bất định pháp: Hai trường hợp phạm tội liên quan đến phụ nữ nhưng không thể xác định rõ, là vì xảy ra trong chỗ kín đáo, riêng chỉ có hai người, không còn ai khác biết được. Do đó, việc xác định tội phải tin theo lời của một người thứ ba biết chuyện, là người có tín tâm vững chắc.

¹⁵ Cũng gọi là Ni-tát-kỳ ba-dật-đề. Ni-tát-kỳ, Hán dịch là Tận xả, nghĩa là từ bỏ hết tất cả; ba-dật-đề, Hán dịch là đọa, nghĩa là rơi vào chỗ xấu ác. Người phạm tội này phải đọa vào địa ngục. Để trừ tội, trước hết phải mang tất cả tài vật liên quan đến trước chúng tăng mà xả bỏ hết, sau đó mới chân thành sám hối trước chúng tăng. Vì vậy, phép sám hối này cũng gọi là Xả đọa. Có ba mươi pháp được gọi là Tam thập xả đọa.

¹⁶ Cũng gọi là Ba-dật-đề, Hán dịch là đọa, nghĩa là rơi vào chỗ xấu ác. Nói chung, chín mươi pháp ba-dật-đề khác với ba mươi pháp ni-tát-kỳ ba-dật-đề là không có liên quan đến tài vật để phải xả bỏ, nên đều phải chí thành sám hối. Nếu chúng tăng nhận cho sự sám hối thì người phạm tội chỉ cần tự xét lại tâm mình, quyết lòng hối cải là được.

¹⁷ Cũng gọi là Ba-la-đề-đề-xá-ni, thường gọi tắt là đê-xá-ni, Hán dịch là Đối tha thuyết hướng bỉ hối, nghĩa là người phạm tội phải hướng về người khác cầu sám hối.

¹⁸ Cũng gọi là Thức-xoa-ca-la-ni, Hán dịch là ứng dương học, hay ứng học tác, nghĩa là cần phải học. Còn gọi là đột-kiết-la, dịch nghĩa là ác tác, nghĩa là những hành vi không tốt. Các giới này thường được gọi chung là Bách chúng học pháp, bởi vì pháp này có một trăm điều cần phải học hỏi và noi theo, quy định chi tiết cách ứng xử hàng ngày, tạo nên oai nghi tế hạnh của người xuất gia. Những pháp này rất chi ly, không nhất thiết mỗi khi phạm vào đều phải bị xử phạt, nhưng là khuôn mẫu rất quan trọng cho mỗi người để sống tốt đời sống tu tập. Người xuất gia phải luôn luôn ghi nhớ và mỗi khi có phạm vào phải tự mình phát lộ sám hối.

¹⁹ Thất diệt tránh pháp: Bảy điều quy định khi có sự bất hòa hoặc tranh chấp giữa các tỳ-kheo, cần phải tuân theo để dứt sự tranh cãi. Nếu không tuân theo các pháp này tức là phạm giới.

²⁰ Nhất-xiễn-đề: người hoàn toàn không có tín tâm, chẳng tin vào Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng.

²¹ Nạp y: áo do nhiều miếng vải vụn nhỏ kết lại với nhau, nên gọi là nạp y. Người tu hành không cầu ăn mặc đẹp, nên nhặt lấy những mảnh vải vụn đã bỏ đi của người đời mà chắp vá lại thành áo mặc, cũng gọi là áo bá nạp (trăm mảnh vụn).

²² Bốn nghĩa tướng như vậy: Đây tóm gọn để nhắc lại bốn nghĩa tướng vừa trình bày ở trên: Một là tự sửa mình chân chánh, hai là làm cho kẻ khác trở nên chân chánh, ba là có thể tùy theo chỗ hỏi mà đáp, bốn là khéo giảng rõ nghĩa nhân duyên.

²³ Các cảnh có (chư hữu): Các cảnh giới có chúng sanh, do nghiệp báo mà có. Về nghiệp báo của chúng sanh, do có nhân mà có quả, nên gọi là có (hữu). Kể

trọn trong Ba cõi có hai mươi lăm cảnh có (Nhị thập ngũ hữu): 14 cảnh thuộc về Dục giới, 7 cảnh thuộc về Sắc giới, 4 cảnh thuộc về Vô sắc giới.

²⁴ Ngũ thú: trời, người, ngạ quỷ, địa ngục và súc sanh.

²⁵ Hạt đĩnh lịch là một loại hạt rất nhỏ. Trong Nam bản là hạt cải (giới tử).

²⁶ Bồ Tát một khi hiển thị thần thông như vậy tức là phải có dụng tâm hóa độ, giúp chúng sanh khởi tín tâm, nên chỉ những người cần hóa độ mới thấy được việc làm của Bồ Tát.

²⁷ Bốn phương phụ (tứ duy), là bốn phương ở giữa bốn phương chính. Đó là: đông bắc, tây bắc, đông nam và tây nam.

²⁸ Đỉnh tướng (Sanskrit: sahasra), gọi đủ là Vô kiến đỉnh tướng. Phật Quang Đại từ điển gọi tướng này là: Đỉnh tướng vô năng kiến giả. Tướng đỉnh đầu không ai có thể thấy được. Đây là tướng phụ thứ 66 trong tám mươi tướng phụ của Phật (Bát thập chủng hảo).

²⁹ Ma-hê-thủ-la: cũng viết: Ma-hê-thủ-la thiên vương, Đại tự tại thiên vương. Vị thiên thần mà đạo Bà-la-môn thờ kính, ở cảnh trời cao nhất trong cõi Sắc giới.

³⁰ Ngũ dục: Năm điều làm chúng sanh cảm thấy sung sướng, khoái lạc, là sự thỏa mãn năm căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Năm dục ấy là: sắc dục, thanh dục, hương dục, vị dục và xúc dục.

³¹ Pháp luân vương, hay Pháp vương, là vị vua của các pháp. Vì Phật nắm hiểu tất cả các pháp nên gọi là Pháp vương, lại vì thuyết dạy các pháp cho chúng sanh, tức là chuyển bánh xe pháp (chuyển pháp luân) nên gọi là Pháp luân vương.

³² Áo được may bằng những mảnh vải xấu đã bỏ đi chấp vá lại.

³³ Bốn tội trọng: Tứ Ba-la-di : Bốn tội trọng của hàng Tỳ-kheo: 1. Dâm giới, 2. Đạo giới, 3. Sát giới, 4. Vọng ngữ giới.

³⁴ Người hoàn toàn không có lòng tin vào Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng.

³⁵ Bốn nẻo ác đó là: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la.

³⁶ Nghĩa là đều có những sự thị hiện để hóa độ chúng sanh như vừa kể trên.

³⁷ Hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu (Nhị thập ngũ hữu): Hai mươi lăm cõi hiện hữu của chúng sanh. Đó là sự phân chia ba cõi chúng sanh đang luân hồi thành hai mươi lăm cảnh giới. Trong Dục giới có 14, trong cõi Sắc giới có 7, trong cõi Vô sắc giới có 4. Hai mươi lăm cõi này được sắp xếp thành:

– Tứ ác đạo: 1. Địa ngục, 2. Súc-sanh, 3. Ngạ-quỷ, 4. A-tu-la

– Tứ châu hay Tứ thiên hạ: 1. Phất-vu-đãi, 2. Cồ-da-ni, 3. Uất-đan-việt, 4. Diêm-phù-đề

– Lục dục thiên: 1. Tứ thiên vương xứ, 2. Tam thập tam thiên xứ, 3. Diêm-ma thiên, 4. Đâu-suất thiên, 5. Hóa lạc thiên, 6. Tha hóa tự tại thiên.

Mười bốn cảnh này thuộc về Dục giới.

– Tứ thiên thiên: 1. Sơ thiên, 2. Nhị thiên, 3. Tam thiên, 4. Tứ thiên.

– Tịnh cư thiên: 1. Đại phạm vương, 2. Vô tướng, 3. Tịnh cư A-na-hàm.

Bảy cảnh này thuộc về Sắc giới.

– Tứ không xứ thiên: 1. Thức xứ, 2. Không xứ, 3. Bất dụng xứ (Vô sở hữu xứ)
4. Phi tưởng phi phi tưởng xứ.
Bốn cảnh này thuộc về Vô sắc giới